

Nhân dịp năm 2000 để đọc giả hiểu rõ ý kiến và thái độ của tự bản thân từng tôn giáo về Thiên niên luận, Năm Thánh và Ngày Tận Thế, Ban Biên tập dự định đăng một số bài của các nhà nghiên cứu khác nhau trong và ngoài nước nhằm hạn chế những quan niệm sai lệch về Năm Thánh và nhất là về Ngày Tận Thế. Trong số này chúng tôi đăng bài của Linh mục Thiện Cẩm, một cây bút quen thuộc của báo Công giáo và Dân tộc và bài của Jean Delumeau, một nhà nghiên cứu nổi tiếng của Pháp.

BBT

NĂM 2000 VÀ NGÀY TẬN THẾ

THIỆN CẨM*

I. Ý NGHĨA CỦA NĂM 2000 ĐỐI VỚI KITÔ GIÁO.

Ngày 01 tháng 01 năm 2000 cũng sẽ chỉ là "một ngày như mọi ngày"⁽¹⁾, chẳng có gì khác, ngoài chuyện thiên hạ lo lắng về sự cố Y2K. Nhưng chuyện này chỉ liên quan đến những ai sử dụng máy vi tính, đặc biệt trong các hệ thống ngân hàng, trong các bộ phận chỉ huy quân sự, và các cơ quan hàng không, v.v... Ngoài ra, đối với phần đông nhân loại theo Phật giáo, Ấn Độ giáo hay Hồi giáo, và những người không tín ngưỡng tôn giáo, ngày ấy cũng chỉ là ngày đầu của một năm mới mà thôi - năm 2000.

Nhưng với người Kitô giáo, nhất là người Công giáo, ngày 01 tháng 01 năm 2000 có một ý nghĩa rất trọng đại, đó là kỉ niệm 2000 năm Đức Giêsu ra đời, đánh dấu một thiên niên kỉ mới và một thế kỉ mới.

Tuy nhiên, trái với sự hiểu biết chung của nhiều người, Giáo hội Rôma là tổ chức cuối cùng của Tây phương chấp nhận và sử dụng lịch chung do Denys le Petit đặt ra. Nguyên nhân là vì trước kia mỗi nước đều có lịch riêng của mình.

Vào khoảng năm 440 sau CN, Thánh Cyrille d'Alexandria (Ai Cập) là người đầu

tiên lập ra một lịch cố định cho một trăm năm, mục đích là để ấn định ngày tháng cho lễ Phục sinh. Theo lịch Ai Cập, người ta lấy năm Diocletien lên ngôi làm năm khởi đầu. Vào thế kỉ VI sau CN, Denys le Petit tiếp nối công trình của Cyrille để lập ra lịch chung mà chúng ta đang sử dụng ngày nay. Nhưng nhà tu hành này chọn năm sinh của Đức Giêsu Kitô làm năm khởi đầu. Sở dĩ thế là vì Diocletien là một ông vua khét tiếng về việc cấm đạo Kitô. Vì vậy, thay vì chọn năm 247 theo lịch Cyrille, Denys le Petit gọi là năm 532 sau Chúa Kitô.

Tuy nhiên, vì tính sai, nên Denys đã ấn định năm sinh của Đức Giêsu muộn hơn khoảng 5-6 năm. Nói khác đi, nếu tính đúng thì năm 1999 đã phải là năm 2004 hay 2005.

Một thế kỉ sau, Augustin de Cantorbéry đã nhập khẩu lịch này vào nước Anh, và mãi tới thế kỉ IX - X, mới được áp dụng bên ngoài khối Anglo-Saxông. Trong khi đó, các giáo hoàng chỉ áp dụng lịch này sau năm 1000. Người Hy Lạp sử dụng lịch chung từ thế kỉ XV, còn bên Nga thì mãi tới

*. Linh mục, TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên một bài hát của Trịnh Công Sơn.

thế kỉ XVII mới chấp nhận nó. Các nước Hồi giáo, Do Thái, Ấn Độ v.v... chỉ sử dụng lịch chung sau khi chịu ảnh hưởng của Châu Âu, nhưng đồng thời vẫn duy trì lịch riêng của họ.

Điều đáng chú ý là lịch của Denys le Petit tính từ một điểm trung tâm, chia thời gian thành Trước và Sau Chúa Giáng sinh, và người ta tính những năm Trước Chúa Giáng sinh theo chiều ngược lại, nghĩa là từ số lớn, nhỏ dần xuống năm được coi là năm sinh của Đức Giêsu. Trái lại, từ Sau Chúa Giáng sinh, người ta tính từ số nhỏ tới số ngày càng lớn hơn⁽²⁾

Ý NGHĨA THẦN HỌC CỦA KITÔ GIÁO VỀ THỜI GIAN.

Nhưng vấn đề quan trọng không phải là xác định thời gian bằng những số đếm, mà chính là cách chia lịch sử thành những thời đại khác nhau, trước và sau Đức Giêsu. Nói cách khác, khi Denys le Petit đặt Đức Giêsu vào trung tâm của lịch sử, có ý khẳng định tất cả mọi biến cố của lịch sử đều quy hướng về thời điểm đặc biệt là năm sinh của Đức Giêsu, vào chính Đức Giêsu. Nói cách khác, khi phân chia thời gian thành Trước và Sau Chúa Kitô, Kitô giáo muốn tuyên xưng Người là chủ thời gian, như Giáo hội Công giáo đọc trong công thức thắp nến Phục sinh trong nghi thức Vọng Phục sinh vào đêm thứ Bảy Tuần Thánh cử hành hằng năm: "*Đức Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay (Dt 13,8), là Alpha và Omega, nghĩa là khởi nguyên và cùng tận (Kh 22,13)*⁽³⁾. Người làm chủ thời gian và muôn thế hệ. Vạn tuế Đức Kitô, Đấng vinh hiển quyền năng, vạn vạn tuế. Amen".

← X →

Trước Chúa Giêsu Giêsu Kitô Sau Chúa Giêsu
= Thời Cảnh Chung > Ngày Cảnh Chung

LỊCH SỬ CỦA NĂM THÁNH

Không phải Giáo hội Công giáo lập ra truyền thống mừng Năm Thánh, truyền thống này có từ thời Cựu Ước. Nếu từ *Jubilaeus* được Thánh Giêrônimô đưa vào

bản dịch Latinh của Kinh Thánh, thì đó chỉ là một sáng tạo tài tình của thánh nhân, tìm được một từ mà âm điệu rất giống với từ *Jôbêl* của tiếng Hípri. *Jôbêl* hay *Jubilaeus* nói lên niềm vui của lễ hội. Lễ hội thì có khá nhiều trong Kinh Thánh, nhưng trước hết phải kể đến ngày *sabat*. Đó không chỉ là một ngày nghỉ cuối tuần, mà trước hết là một ngày *thánh*, vì được dành riêng để kính Chúa. Đó là ngày trở thành trọng tâm của đời sống tôn giáo Do Thái, ngày được Yavê Thiên Chúa chúc phúc và thánh hoá (Xh. 20,8-11).

Từ ngày *sabat* hằng tuần, chúng ta đi tới *năm sabat* trong chu kỳ bảy năm. Người Do Thái xưa gieo trồng và thu hoa lợi trong suốt sáu năm, nhưng đến năm thứ bảy, *năm sabat*, họ nghỉ ngơi và cũng cho đất nghỉ. Đó là lệnh truyền của Yavê (Lv. 25,1 - 6). *Năm sabat* còn là năm để trả tự do cho người nô lệ Do Thái (Xh. 21,2), năm tha nợ (Đnl. 25,1-11).

Từ *năm sabat*, truyền thống còn đặc biệt chú trọng *Năm Đại Thánh 50*, nghĩa là cứ 50 năm lại có một lần. Năm đại *Jôbêl* đặc biệt chú tâm vào việc sám hối, tạ tội, đó là ngày *Yom - Kippour*, ngày trọng đại nhất trong phụng vụ Do Thái. Trong năm đại *Jôbêl*, người ta phóng thích tất cả mọi người nô lệ (Lv. 25,10), trả lại đất đai cho những người đã cầm cố mà không có tiền chuộc (Lv. 25,10.13-17), và dĩ nhiên cũng phải để cho đất được nghỉ⁽⁴⁾.

2. Oscar CULLMAN. *Le Christ et le Temps*. Nxb Delachaux & Niestlé S.A; Neuchâtel, Thụy Sĩ. 1975, Phần I, *Introduction, Le Problème*, tr. 11-12; Chương V; *La division nouvelle du Temps à partir du centre de l'histoire du salut*. Tr. 57-65. Tạp chí *Fêtes & Saisons*. Décembre 1998. N^o.530., tr. 5.

3. Sđd. Phần 1, Chương 1, tr. 26-35.

4. Về lịch sử các ngày *sabat*, xin đọc: *Vocabulaire biblique*. Nxb. Delachaux & Niestlé; Neuchâtel, Thụy Sĩ, 1964. Từ *Fêtes*, tr.104-106, đặc biệt là tr. 105, cột 2 tt. (g. nagel) *Vocabulaire théologie biblique*, Cerf. Paris, 1970. Từ *sabbat*, cột 1151-1153 (Ceslas SPICQ và Pierre GRELOT).

Kitô giáo, đặc biệt là Giáo hội Công giáo đã tiếp nối truyền thống của Cựu Ước, tuy nhiên với những thay đổi khá ý nghĩa. Trước hết, ngày *sabat*, ngày thứ bảy, được chuyển sang ngày thứ nhất trong tuần (Mt. 28,1; Mc. 16,9; Lc. 24,1; Ga. 20,1.19), tức ngày Chủ nhật, với mục đích là mừng Chúa Kitô phục sinh. Giáo hội Công giáo không mừng năm *sabat*, và cũng không duy trì truyền thống mừng Năm Thánh mỗi 50 năm. Vị Giáo hoàng đầu tiên tổ chức Năm Thánh là Bônifaciô VIII, công bố ngày 22 tháng 2 năm 1300, coi năm này là năm *Jubilaus*, nhưng chỉ kéo dài tới Noel năm 1300. Năm Thánh thứ hai được tổ chức vào năm 1350. Đến thời Giáo hoàng Grêgôriô XI, Năm Thánh được tổ chức theo chu kỳ 33 năm, để ghi nhớ 33 năm tại thế của Đức Giêsu. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh lịch sử không cho phép, mãi tới năm 1390 mới tổ chức được. Đến thời Giáo hoàng Phaolô II, vào năm 1470, ấn định Năm Thánh theo chu kỳ 25 năm. Truyền thống này được giữ mãi đến thế kỷ XIX. Nhưng vì hoàn cảnh lịch sử và xã hội, chỉ có một Năm Thánh được tổ chức vào năm 1825. Trái lại, vào thế kỷ XX, ngoài Năm Thánh 1950, các vị Giáo hoàng Phaolô VI và nhất là vị đương kim Giáo hoàng Gioan Phaolô II tổ chức nhiều những Năm Thánh đặc biệt chung cho cả Giáo hội địa phương⁽⁵⁾.

Sự "lam phát" những Năm Thánh này có thể đã làm giảm bớt đi phần nào tính cách khác thường và hiếm có của năm được gọi là Thánh.

Tuy nhiên với năm 2000, chúng ta bước vào một thế kỷ mới và một thiên niên kỷ mới.

Đối với người Kitô giáo nói chung, và nhất là người Công giáo nói riêng, ý nghĩa trọng đại của biến cố Năm 2000, chính là kỷ niệm 2000 năm Đức Giêsu chào đời, cũng là đánh dấu 2000 năm lịch sử của Kitô giáo, 2000 năm "Đức Giêsu Kitô, Đấng vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi muôn đời" (Dt. 13,8) đã hiện diện giữa

nhân loại, và sẽ tiếp tục đồng hành với chúng ta cho đến ngày tận thế (Mt. 28,20).

Nếu vào những năm đầu của Kỷ nguyên Kitô giáo, Đức Giêsu đã long trọng lên tiếng trong hội đường *Nazareth*, báo cho mọi người biết Người đến để "công bố một năm hồng ân của Thiên Chúa" (Lc. 4,19), thì Năm 2000 này, đối với Giáo hội, cũng là Năm Hồng Ân, năm *Jubilaus*, Năm Toàn Xá, nghĩa là năm sám hối để được tha thứ, và năm để tha thứ cho nhau, năm hòa giải với mọi người, năm đem lại an vui hạnh phúc cho toàn thể nhân loại.

II. NĂM 2000 VỚI VẤN ĐỀ TẬN THẾ.

Nhưng có một vấn đề khác đang làm cho nhiều người trên thế giới và cả ở Việt Nam quan tâm, đó là năm 2000 có phải là năm cuối cùng của lịch sử nhân loại chăng. Ngày Tận Thế liệu có xảy ra vào năm này hay không?

Thực ra đây không phải là một vấn đề mới. Vào những năm cuối thiên niên kỷ II, thiên hạ cũng đã xôn xao bàn tán về ngày tận thế, vì trong sách Khải Huyền, chương 20, nói về "Triều đại một ngàn năm", và chương kế tiếp, nói về "Trời mới đất mới" (Kh. 21). Từ những lời Kinh Thánh đó, người ta suy ra rằng ngày tận thế sẽ đến vào đầu thiên niên kỷ II. Nhưng thực ra đó chỉ là hậu quả của một sự suy đoán, dựa vào một cách đọc và hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đen. Trong khi đó sách Khải Huyền, mặc dầu theo nguyên ngữ, có nghĩa "vén bức màn lên" hay "cất bức màn đi", do đó có nghĩa "mặc khải". Tuy nhiên, sách Khải Huyền của Thánh Gioan không hoàn toàn dừng lại ở thể văn khải huyền, mà còn theo chiều hướng ngôn sứ, đặc biệt là trong hai chương đầu. Vấn đề đối với tác giả không phải là loan báo những chuyện tương lai, cho bằng giải thích lịch sử theo quan điểm

5. Xin đọc: *Fêtes & Saisons*, Décembre 1998, N^o 530, À la découverte du jubilé, tr. 4.

tôn giáo của mình⁽⁶⁾.

Quan niệm lịch sử của Gioan là quan niệm của Giáo hội Kitô giáo sơ khai, theo đó, biến cố Kitô được coi như trung tâm của lịch sử, nghĩa là Đức Kitô đến đánh dấu một kỉ nguyên mới của lịch sử, kỉ nguyên của thời Cánh Chung. Trong khi truyền thống khả huyền Do Thái vẫn còn chờ đợi thời đại mới này, người Kitô giáo tin rằng thời đại mới ấy đã đến với Chúa Kitô và Người đã đến để dẫn đưa lịch sử tới thời viên mãn, đến hồi kết thúc, hay là Cánh Chung, bởi vì Đức Giêsu Kitô vừa là *Alpha*, vừa là *Omega*, nghĩa là vừa là Khởi Nguyên, mà cũng là Tận Cùng. Vì thế, Ngày của Chúa đồng thời là Ngày Chúa Phục sinh, cũng là Ngày Cánh Chung, nghĩa là Ngày của Chúa mở ra thời đại Cánh Chung. Thời đại của Giáo hội đã nằm trong thời đại Cánh Chung này. Do đó, Giáo hội vừa ở trong hiện tại, cũng đã thực sự thuộc về thời đại cuối cùng. Giáo hội là một thực tại Cánh Chung, và hình ảnh trung thực nhất của Giáo hội là một kẻ lữ hành đang trên đường đi hướng về tương lai, một tương lai thực sự đã khởi đầu trong hiện tại. Vì thế, người Kitô hữu thời đầu không hề có một quan niệm đen tối, bi quan và hoàn toàn tiêu cực về *Ngày Tận Thế*; trái lại, họ thiết tha mong đợi và cầu xin cho ngày ấy mau đến. Thật vậy, những câu cuối cùng mà chúng ta đọc được trong sách Khải Huyền, cũng là cuốn sách cuối cùng của bộ Kinh Thánh, đó là:

"*Thần Khí và Tân Nương (= Giáo hội) nói: "Xin Ngài (Đức Giêsu) ngự đến!" Ai nghe, hãy nói: "Xin Ngài ngự đến!"* (Kh. 22,17).

"*Amen, lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến!*"

Chúc mọi người đầy ân sủng của Chúa Giêsu" (Kh. 22,21).

Nhưng những người sống ở thế kỉ IX lại không nghĩ như vậy. Một cách nào đó, họ đã phần nào lấy lại quan niệm Do Thái, coi *Ngày Tận Thế* như một ngày hủy diệt: Thiên Chúa sẽ đến tiêu diệt nhân loại tội lỗi,

nhưng sẽ cứu độ Dân riêng của Người, và dĩ nhiên chỉ những kẻ được coi là công chính.

Tuy nhiên, năm 1000 rốt cuộc cũng đã qua đi mà chẳng xảy ra chuyện gì. Trái Đất cùng Mặt Trời, Mặt Trăng vẫn xoay vần theo quỹ đạo của chúng, vạn vật vẫn sống cuộc sống bình thường như mọi năm tháng ngày giờ đã qua. Thế là người ta lại bắt đầu chuyển hướng sang năm 2000. Những chuyện đồn thổi về Ngày Tận Thế không chỉ mới được lan truyền trong những ngày tháng gần đây, mà thực ra đã có từ rất xa xưa. Đặc biệt là vào thế kỉ XVI, từ khi nhà thiên văn học và đồng thời cũng là một thầy thuốc *Michel de Notre-Dame* (1503-1566), được biết đến dưới cái tên Latinh là *Nostradamus*, xuất bản cuốn sách mang tựa đề là *Centuries*, trong đó chứa đựng những điều tiên đoán khá chi tiết về tương lai, đặc biệt là về các triều đại giáo hoàng. Nếu căn cứ vào đó, chúng ta đang ở vào kì chót của lịch sử, vị Giáo hoàng đương kim đã nằm trong danh sách những vị Giáo hoàng cuối cùng!

Vì thế, tại Việt Nam năm vừa qua thiên hạ cũng xôn xao bàn tán, không phải chỉ trong giới Công giáo, mà còn trong cả các giới đồng bào ngoài Công giáo, chung quanh những tin đồn về ngày tận thế, mà theo người ta nói, không những dựa vào những lời loan báo của Đức Mẹ, mà còn dựa vào nghiên cứu của mấy ngàn nhà khoa học!

Trong một tài liệu được mệnh danh là *Dự báo khoa học*, người ta dựng lên một "hội nghị khoa học" ma, gồm những 2000 nhà khoa học thế giới, do Liên hiệp quốc bảo trợ, được tổ chức ở Hà Lan từ 20 đến 28 tháng 2 năm 1998! Người ta khẳng định rằng sẽ xảy ra một vụ nhật thực vào ngày 18 tháng 9 năm 1999, hay có thể trễ hơn 38 ngày! Lần này, không chỉ Paris mà toàn thế

6. *La Bible, Traduction oecuménique T.O.B.* Ed. du Cerf. Paris, 1988; *L'Apocalypse. Introduction*, tr. 3023 tt.

địa cầu sẽ bị phủ trùm trong bóng tối từ vài tiếng đồng hồ đến vài ngày, chứ không chỉ vài phút. "*Hậu quả của hiện tượng này là Trái Đất sẽ hoàn toàn bị đóng băng cùng với vạn vật trên mặt đất. Trái Đất sẽ bị mất ánh sáng và năng lượng mặt trời từ 24 tiếng đồng hồ trở lên*" !!!

Những ai có một chút kiến thức khoa học đều phải bật cười. Thật sự tất cả các vụ nhật thực hay nguyệt thực đều đã được tính toán và xác định rõ ngày giờ, cũng như cả nơi nào hiện tượng ấy xảy ra toàn phần, chứ không có chuyện trễ hơn 38 ngày, hoặc không thể nào có chuyện Trái Đất bị đóng băng từ 24 giờ trở lên! Không một ai được coi là nhà khoa học lại có thể ăn nói hàm hồ như vậy, huống gì là cả 2000 nhà khoa học thế giới!

Để tăng thêm tính khả tín cho tài liệu, người ta còn lôi cả các nhà thiên văn, vật lý tiếng tăm trên thế giới vào cuộc, để loan tin rằng tháng 9 năm 1999, sẽ có một tiếng nổ lớn làm nổ màng nhĩ của nhiều người, làm điếc luôn! Các hang động cũng như các tòa nhà cao ốc cũng nổ tung v.v... và v.v... Nước biển sẽ dâng lên dữ dội, nhưng vì là nước nóng nên sẽ bốc hơi, và biển chỉ còn 20% nước. Nhưng có một nghịch lý là liệu nước có thể bốc hơi khi mà nhiệt độ Trái Đất xuống tới 30 độ âm hay có thể là 100 độ âm!

Một vài trích dẫn trên đủ cho ta thấy tác giả của tài liệu trên chỉ có thể là một người cuồng tín đến nỗi mù quáng không còn nhận ra những lời khẳng định của mình đúng hay sai.

Nhưng điều đáng buồn là nhiều người trong chúng ta lại cứ tin, hay bán tín bán nghi về những sự kiện được coi là có cơ sở khoa học này.

QUAN NIỆM KITÔ GIÁO VỀ NGÀY TẬN THẾ.

Thế giới vũ trụ này rồi sẽ qua đi, đó là điều chắc chắn, bởi vì tất cả những gì là vật chất sẽ phải tiêu tan. Tinh tú và muôn loài đều có tuổi đời của chúng, không có gì vĩnh

cửu trong thế giới vũ trụ này. Vạn sự vô thường, đó là chân lý mà Phật giáo đã khẳng định, còn Héraclite thì nói "*không ai tắm hai lần trong một dòng sông*", có ý ám chỉ thế giới này biến đổi không ngừng. *Biến dịch* hay *Dịch* cũng là nguyên lý của vạn sự theo quan niệm của các nhà hiền triết Trung Hoa. Lão Tử nói: "*Vạn vật đều cùng sinh ra; Ta lại thấy nó trở về gốc. Ôi! mọi vật trùng trùng, đều trở về cội rễ của nó*" (*Đạo đức kinh*, XVI,2), nói cách khác, "*cái động của Đạo là trở về*" (*Phản giả đạo chi động-Đạo đức kinh*, XL,1), theo nguyên tắc "*vật cùng tắc biến*", hễ dương cực thì âm sinh, và âm cực thì dương sinh.

Chỉ có điều sự biến hóa ấy có đưa đến chỗ hư hóa vạn sự hay không thì không rõ. Theo triết lý Hy Lạp cổ đại, cũng như Ấn Độ giáo và Phật giáo hiện nay, cái vòng sinh hóa, biến dịch, hay *luân hồi* đó là khôn cùng. Chính vì lẽ đó mà lý tưởng của Ấn Độ giáo và Phật giáo là phải tìm cách giải thoát khỏi cái vòng sinh tử hay biến dịch ấy, để đạt tới cái bất sinh bất dịch là Niết Bàn, hay thực tại là Brahman, Atman, hay Đại Ngã. Còn theo Platon, triết gia Hy Lạp (429-347 Tr.CN), thì cái vòng luân hồi đó khởi động lại sau mỗi chu kỳ 1000 năm.

Người phương Tây, và Kitô giáo không quan niệm thời gian như một hay nhiều vòng tròn, mà theo một đường thẳng. Tuy nhiên, không vì thế mà người ta đương nhiên quan niệm ngày tận thế như ngày tận cùng theo nghĩa tuyệt đối, ngày mọi sự trở về hư vô.

Đặc biệt trong Tân Ước, chúng ta được nghe nói tới sự xuất hiện của một *Trời Mới* và một *Đất Mới*, do đó trong lời tuyên tín (*Kinh Tin Kính* đọc ngày chủ nhật), người Kitô hữu tuyên xưng rằng: "*Tôi tin vào sự sống lại, và cuộc sống trong vũ trụ tương lai*".

Người Kitô giáo không những tin vào thực tại của *đời này* mà còn tin vào thực tại của *đời sau*. Nếu sự sống của đời này chỉ là

tạm thời, thì trái lại, sự sống ở đời sau là vĩnh cửu. Ngoài sự khác biệt giữa tạm thời và vĩnh cửu, giữa sự sống đời này và sự sống đời sau, còn có sự khác biệt quan trọng, là nếu sự sống đời này còn pha lẫn vật chất, thì sự sống ở đời sau là thuộc về thần khí (1 Cr 15,39-49), có nghĩa là thật sự giống với hình ảnh của Thiên Chúa (1 Cr 15,49).

Để đạt được sự sống thần linh ấy, cần thiết con người và vũ trụ phải trải qua một cuộc *biến hình* (transfiguration) trong mầu nhiệm Phục sinh, như chính Đức Kitô. Bởi thế, Thánh Phaolô đã nói: "*Muôn loài thọ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở*" (Rm 8,22) thời đại vinh quang, thời đại mà Thiên Chúa cứu chuộc cả thân xác của con người (Rm 8,23).

Ý nghĩa của Ngày Cánh Chung là như vậy. Đó không phải là ngày chấm dứt một cách tuyệt đối lịch sử và hiện hữu của thế giới vũ trụ muôn loài, trái lại, là ngày mà Trái Đất này được trở nên *Đất Mới* trong *Trời Mới*, và muôn loài được biến đổi để trở nên những tạo vật mới, và được hưởng vinh quang với Thiên Chúa.

BAO GIỜ THÌ TẬN THẾ VÀ TẬN THẾ XẢY RA NHƯ THẾ NÀO ?

Nhưng đáng tiếc là ít người tìm hiểu ý nghĩa đích thực của cái được gọi là *Ngày Tận Thế*. Ngay vào thời Đức Giêsu, thiên hạ luôn quan tâm đến thời điểm và cách thức xảy ra Ngày Tận Thế, hơn là tìm hiểu ý nghĩa của biến cố này (Mt 24,3).

Vậy trước hết chúng ta hãy tìm hiểu xem Kinh Thánh nói gì về biến cố ấy.

Đức Giêsu rất kín đáo khi nói về Ngày Tận Thế cũng như về đời sau. Thật vậy, khi được hỏi về Ngày Tận Thế, Người nói: "*Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào Chúa của anh em đến. Anh em hãy biết điều này: nếu chủ nhà biết vào canh nào kẻ trộm sẽ đến, hẳn ông đã thức,*

không để nó khoét vách nhà mình đâu. Cho nên anh em cũng vậy, anh em hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con Người sẽ đến" (Mt. 24,42-44). Điều đáng ngạc nhiên là Người khẳng định chính mình cũng không biết ngày giờ xảy ra biến cố ấy, Người tuyên bố: "*Còn về ngày và giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay cả Con Người cũng không; chỉ một mình Chúa Cha biết mà thôi*" (Mt 24,36).

Nếu chính Đức Giêsu, Con Thiên Chúa, mà cũng chẳng biết rõ về ngày giờ tận thế, thì làm sao người ta có thể xác định rằng nó sẽ xảy ra vào ngày tháng hay năm nào? Chính Đức Giêsu cũng đã cảnh báo các môn đệ của Người: "*Anh em hãy coi chừng kẻo bị lừa gạt, vì sẽ có nhiều người mạo danh Thầy đến nói rằng: Chính ta đây*" và "*Thời kì đã đến gần; anh em chớ có theo họ.*" (Lc 21,8).

Còn ngày tận thế sẽ xảy ra như thế nào, như trên đã nói, điều quan trọng trước tiên là phải hiểu đó không phải là ngày hủy diệt, ngày hư vô hóa mọi sự.

Mặc dầu ngôn ngữ của thể văn *khải huyền* trong Kinh Thánh đôi khi có thể làm cho người ta hoang mang sợ hãi, nếu cứ đọc và hiểu theo nghĩa đen; nhưng thực ra, đó chỉ là một cách nói gây ấn tượng mạnh mẽ mà thôi. Chẳng hạn chúng ta đọc trong *Tin Mừng* của Matthêu: "*Mặt Trời sẽ ra tối tăm, Mặt Trăng không còn chiếu sáng, các ngôi sao từ trời sa xuống và các quyền lực trên trời bị lay chuyển*" (Mt 24,29), hay trong Luca: "*Sẽ có những điềm lạ trên Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao. Dưới đất, muôn dân sẽ lo lắng hoang mang trước cảnh biển gào sóng thét. Người ta sợ đến hôn xiêu phách lạc, chờ những gì sắp giáng xuống địa cầu, vì các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển*" (Lc 22,25).

Những lời lẽ ấy không nên làm cho chúng ta quên những lời kế tiếp, rất quan trọng và mang ý nghĩa tích cực, Đức Giêsu nói: "*Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người đây quyền năng và vinh quang ngự trong đám mây mà đến. Khi những biến cố ấy bắt đầu xảy ra, anh em hãy đứng thẳng và ngẩng đầu lên, vì anh em sắp được cứu độ*" (Lc 22,27-28).

Rõ ràng Ngày Tận Thế không phải là ngày hủy diệt, mà là ngày cứu độ, ngày mà những người công chính có thể hiện ngang đứng thẳng và ngẩng đầu lên.

Đàng khác, Đức Giêsu cũng không chỉ dùng những hình ảnh gây kinh hoàng sợ hãi để nói về Ngày Tận Thế, Người còn dùng hình ảnh cây đâm chồi nảy lộc để nói tới biến cố này, và như vậy là có ý ám chỉ đây là ngày giờ đổi mới vạn sự, chứ không phải là ngày giờ hủy diệt (Lc 22,29-31). Bởi vì chẳng lẽ Triều đại Thiên Chúa lại là thời của chết chóc hay diệt vong? Chẳng lẽ Thiên Chúa của sự sống lại chỉ gây chết chóc tai ương?

Không, Thánh Phaolô nhìn viễn tượng ngày Chúa đến với tất cả một niềm hi vọng tuyệt vời, Người viết cho tín hữu Côrintô: "*Không phải tất cả chúng ta sẽ chết, nhưng tất cả chúng ta sẽ được biến đổi trong giây lát, trong một nháy mắt, khi tiếng kèn cuối cùng vang lên. Vì tiếng kèn sẽ vang lên, và những kẻ chết trỗi dậy mà không còn hư nát; còn chúng ta, chúng ta sẽ được biến đổi*" (1 Cr 15,51-52). Trong thư gửi tín hữu Thêxalônica, Thánh Tông đồ cũng nói tương tự, và tuy cũng có dùng những hình ảnh ngôn ngữ khả huyền như là *tai họa*, hay dùng hình ảnh cơn đau chuyển bụng của người phụ nữ sắp sinh con, nhưng chính là để nói về niềm vui sẽ đến, vì thế mà thánh nhân hai lần nhắc lại rằng: "*Vậy anh em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau*" (1 Tx 4,18; x.5,11).

Thiên Chúa là Chúa của sự sống (Mc 12,27), Người là Cha nhân hậu, yêu thương tất cả loài người (Mt 5,43-48; Lc 6,27-38). Người không thể nào tiêu diệt kẻ này để cứu người kia. Người đã dựng nên Bầu Trời, Trái Đất cho cả loài người, thì Người cũng sẽ biến đổi Bầu Trời và Trái Đất này, trong biến cố Cánh Chung, thành Trời Mới và Đất Mới cho tất cả mọi người sống xứng danh là người.

Trời đất này sẽ qua đi. Đó là quy luật của hiện hữu. Không chỉ có con người phải chết, mà cây cỏ, vạn vật, và thậm chí đất cũng "chết". Khoa học còn có thể đoán được tuổi của đất đá. Nhưng khi người Kitô giáo nói đến Ngày Tận Thế thì không chỉ nghĩ đến một ngày tận cùng, ngày kết thúc lịch sử. Biến cố mà Kitô giáo gọi là *eschata*, trước hết có ý nghĩa tôn giáo, hơn là hiểu theo nghĩa thiên văn hay địa chất. Thật vậy, theo Kitô giáo, thì cái *eschata* này không thuần túy chỉ thuộc về tương lai, mà thực sự đã ở trong hiện tại, bởi vì như trên đã nói, Đức Giêsu đã đến mở ra một Thời Cánh Chung. Nói theo hình ảnh, thì cây lúa và bông lúa tương lai đã hiện hữu tiềm thể trong hạt thóc được gieo xuống đất. Đó là lí do tại sao Thánh Phaolô có thể nói là muôn loài thọ tạo "*cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở*" (Rm 8,22).

Nói như vậy có nghĩa là cả thế giới vũ trụ và con người đang cùng nhau thực hiện cái *eschata* ấy, chứ không phải chỉ ngồi chờ đợi một cách thụ động. Thật vậy, chính Đức Giêsu cũng cảnh báo con người là phải không ngừng canh thức với cây đèn sáng trong tay (Mt 25,1-12), chờ đợi Người đến bằng cách hoàn thành đời mình, phát huy tối đa những khả năng mà Thiên Chúa đã ban cho (Mt 25,14-30), và chu toàn nhiệm vụ của mình (Mt 24,45-51). Mà nhiệm vụ đó chính là yêu thương chăm sóc cho mọi người, nhất là những người nghèo khổ, ốm đau tàn tật (Mt 24,31-46).

Ở đây, chúng ta thấy lí tưởng Kitô giáo rất gần với lí tưởng Việt Nam và Trung Hoa truyền thống, đó là *thành nhân*, mà thành nhân chủ yếu ở chỗ sống trọn vẹn lòng nhân ái đối với tha nhân. *Nhân* là người, mà *nhân* theo nghĩa là *nhân ái*, là *hai người* (theo lối viết biểu tượng của chữ Hán). Nói khác đi, con người chỉ có thể thành nhân cùng với tha nhân, và nên người hoàn thiện bằng cách phát huy tối đa lòng thương người. Đó là *sống với* và *sống cho* mọi người.

Kỉ niệm 2000 năm Chúa Giêsu chào đời, người Kitô giáo không mong muốn gì hơn là thực hiện nghiêm túc và cụ thể lời mời gọi của Người, là xây dựng một thế giới công bằng và hòa bình, để mọi người được hạnh phúc. Và đó là những giá trị nền tảng của Nước Thiên Chúa đang hình thành để tiến tới ngày Viên Mãn, hay ngày Cánh Chung (Rm 14,17).

Thay vì ngồi suy đoán những chuyện viễn vông và lo lắng sợ hãi vô căn cứ, có lẽ tốt hơn, người ta nên cố gắng xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Đó là một thế giới công bằng, trong đó khoảng cách giữa giàu nghèo được giảm bớt, một thế giới hòa bình,

không còn chiến tranh diệt chủng, và nhất là một thế giới không còn bị bom và những đầu đạn hạt nhân cùng với những phương tiện chiến tranh khác đe dọa hủy diệt. Cuối cùng, đó là một thế giới, trong đó môi trường sinh sống được cải tạo cho trong lành, không còn gieo mầm chết chóc cho mọi sinh vật như hiện nay.

Một vài tài liệu tham khảo:

R. GUARDINI. *Les fins dernières*, Paris, 1950; A.M.HENRY. *Le Retour du Christ*, trong: *Initiation théologique IV*. Paris, 1954, tr.819-868; H.HOLSTEIN. *Le mystère de la mort et de l'au-delà*. Paris, 1955; H.Urs VON BALTHAZAR. *Eschatologie*, trong: *Fragen der Theologie heute*. Einsiedeln-Zurich-Koln, 1960, tr. 403-421; J.MOUROUX. *Le mystère du temps*. Paris, 1961; Oscar CULLMAN. *Le Christ et le Temps*. Nxb Delachaux & Niestlé S.A.Neuchâtel, Thụy Sĩ, 1957.